

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC THI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHAI THÁC SÁNG CHẾ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TẠI VIỆT NAM

Đỗ Đức Nam¹

Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

Tóm tắt:

Bài viết tập trung phân tích thực trạng về thực thi chính sách hỗ trợ khai thác sáng chế phục vụ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (CNHT). Trên cơ sở phân tích các điểm lợi thế và những hạn chế bất cập còn đang tồn tại về chính sách và thực tế áp dụng triển khai đối với doanh nghiệp CNHT, bài viết đề xuất một số khuyến nghị và giải pháp nhằm thúc đẩy, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ về khai thác sáng chế phục vụ nhu cầu đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp CNHT của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Chính sách; Khai thác sáng chế; Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; Đổi mới sáng tạo.

Mã số: 24122401

CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR IMPLEMENTING POLICIES ON PATENT EXPLOITATION SUPPORT TO FOSTER INNOVATION IN SUPPORTING INDUSTRY ENTERPRISES IN VIETNAM

Abstract:

The article focuses on analyzing the current situation of implementing policies that support patent exploitation to foster innovation in supporting industry enterprises. Based on an examination of the advantages and existing limitations in both policy design and practical application for supporting industry enterprises, the article proposes several recommendations and solutions aimed at enhancing the effectiveness of policy implementation on patent exploitation. These efforts are intended to better serve the innovation needs of Vietnam's supporting industry enterprises.

Keywords: Patent exploitation; Supporting industry enterprises; Innovation.

1. Mở đầu

Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) đóng vai trò quan trọng như một động lực trực tiếp tạo giá trị gia tăng cho ngành công nghiệp, giúp nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chính và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng. CNHT được xem là "bệ đỡ" và nền tảng cơ sở cho sự phát triển sản xuất công nghiệp, quyết định chất lượng đầu ra của các sản phẩm công nghiệp thông qua các chi tiết, linh kiện được cung cấp. Trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp CNHT thường có xu hướng chuyên môn hóa vào những công đoạn hoặc

¹ Liên hệ tác giả: namdoduc.hust@gmail.com

chi tiết sản phẩm có thể mạnh, đồng thời thực hiện hợp tác liên kết nhằm hoàn thiện, tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đặc điểm nổi bật của các doanh nghiệp CNHT là phần lớn thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa, với nền tảng công nghệ sản xuất ở mức trung bình thấp và nhu cầu đổi mới công nghệ không cao. Điều này xuất phát từ đặc thù hoạt động chủ yếu tập trung vào sản xuất hàng loạt lớn với công nghệ ổn định, ít có sự thay đổi. Thực tế cho thấy, nhu cầu cấp thiết của các doanh nghiệp này là đổi mới về quản trị và quản lý sản xuất hiệu quả. Tuy nhiên, khi đã ổn định về mặt quản trị và quản lý sản xuất, một số doanh nghiệp bắt đầu có nhu cầu cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất, tăng cường mức độ tự động hóa, giảm tỷ lệ sản phẩm lỗi và phế phẩm, đồng thời giảm giá thành sản phẩm.

Nhiều nghiên cứu quốc tế đã phân tích mối quan hệ giữa hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế và sự phát triển của doanh nghiệp. Mayank Singh và cộng sự (2020) chỉ ra mối liên kết giữa số lượng sáng chế được khai thác và vị trí doanh nghiệp trên bảng xếp hạng doanh thu Fortune 500. Xiao, Yang & Zheng (2021) phân tích cách doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng bằng sáng chế để nâng cao hiệu quả đổi mới, nhấn mạnh vai trò của việc khám phá tri thức mới và khai thác tri thức hiện có. Lee & Park (2020) chỉ ra rằng việc lựa chọn chiến lược thương mại hóa bằng sáng chế phù hợp có tác động tích cực đến hiệu suất đổi mới. Graham & Vishnubhakat (2019) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng danh mục bằng sáng chế chất lượng cao, trong khi Hottenrott & Thorwarth (2019) phân tích tác động của chính sách bằng sáng chế đến hoạt động đổi mới. Bader & Park (2019) tập trung vào các động cơ thúc đẩy doanh nghiệp vừa và nhỏ đăng ký bằng sáng chế và ảnh hưởng của chúng đến hiệu suất đổi mới.

Trong nước, một số nghiên cứu đáng chú ý bao gồm công trình của Nguyễn Hữu Cảnh (2017, 2018) về mức độ sử dụng sáng chế trong một số ngành công nghiệp Việt Nam, chỉ ra rằng lĩnh vực thuốc, hóa dược, dược liệu cũng như ngành công nghiệp sản xuất máy nông, lâm nghiệp có mức độ thâm dụng sáng chế cao. Nguyễn Hữu Xuyên (2017) đã đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khai thác sáng chế trong các ngành sản xuất có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu phân tích các vấn đề trong hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế cho doanh nghiệp ở một số ngành, lĩnh vực, nhưng các nghiên cứu này chưa đề cập đến thực trạng thực thi các chính sách, đặc biệt với đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp CNHT. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu cần được làm rõ, bởi nếu hoạt động thực thi hiệu quả, chính sách sẽ hỗ trợ và giúp ích rất nhiều cho doanh nghiệp trong hoạt động này.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến phát triển tài sản trí tuệ và hỗ trợ khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ thông qua các Nghị quyết, Quyết định và Thông tư hướng dẫn. Tuy nhiên, doanh nghiệp CNHT vẫn gặp nhiều khó khăn, bất cập trong hoạt động khai thác và ứng dụng sáng chế. Cụ thể, hoạt động tuyên truyền thông tin phổ biến chính sách còn nhiều bất cập, thiếu kênh thông tin triển khai cụ thể đến doanh nghiệp; các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực chưa có hành lang ưu tiên đặc thù cho nhóm doanh nghiệp CNHT; và các đầu mối chịu trách nhiệm, tổng kết, đánh giá kết quả thực thi chính sách chưa rõ ràng.

Từ những phân tích trên, cần tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế tại các doanh nghiệp CNHT cũng như thực trạng triển khai, thực thi chính sách trong giai đoạn 2013-2023, từ đó đề xuất khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp CNHT tại Việt Nam.

2. Tổng hợp các chính sách về hỗ trợ khai thác, ứng dụng sáng chế trong doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam

Chính sách của Nhà nước về các hoạt động hỗ trợ liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã được ban hành và triển khai rộng rãi ở nhiều cấp độ chính sách. Bài viết xin tổng hợp một số văn bản chính sách liên quan như sau:

Điều 124 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) sử dụng sáng chế là việc thực hiện các hành vi như: Sản xuất sản phẩm được bảo hộ; áp dụng quy trình được bảo hộ; khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ; lưu thông, quảng cáo, chào hàng, tàng trữ để lưu thông sản phẩm và nhập khẩu sản phẩm. Theo *Luật Thương mại năm 2005*, hoạt động thương mại là hoạt động sinh lợi, bao gồm mua bán, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác. Đề khai thác thương mại đối với sáng chế, trước tiên sáng chế phải được bảo hộ.

Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022 quy định sửa đổi khoản 2 và 3, Điều 8 như sau: “*Khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ thông qua hỗ trợ về tài chính, ưu đãi về thuế, tín dụng và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*”. Trong đó hoạt động hỗ trợ khai thác tài sản trí tuệ được Nhà nước bổ sung là một điểm mới trong Luật này, điều này chứng tỏ Nhà nước đã có sự quan tâm hơn rất nhiều đối với hoạt động khai thác TSTT, trong đó có sáng chế.

Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong khoản 2, Điều 22 về Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, nêu rõ “*Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ*”.

Điều 25, Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, khoản 3 về Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường.

Ngoài ra, Chính phủ cũng ban hành một số Chương trình quốc gia về phát triển KH&CN, phát triển tài sản trí tuệ..., tại *Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030*, trong nhiệm vụ và giải pháp thực hiện chương trình có đề cập đến việc “*Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ sử dụng kết quả nghiên cứu, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN*”, cụ thể: *Thúc đẩy việc hợp tác, phát triển các cơ sở, trung tâm nghiên cứu công nghệ cao; các dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài về công nghệ cao.*

Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025, trong đó quan điểm chủ động xây dựng chính sách và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng với các biến động trong tương lai, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh và bền vững; phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên đổi mới sáng tạo.

Quyết định số 138/QĐ-TTg về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyên gia, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, đề xuất Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tìm kiếm, khai thác tài sản trí tuệ, tư vấn về sở hữu trí tuệ (sửa đổi điểm a, b, bổ sung điểm đ tại khoản 5 Mục II Điều 1);

Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020, trong hoạt động “Tăng cường tiềm lực KH&CN” có đề cập đến “Phát triển hệ thống các tổ chức dịch vụ chuyên gia công nghệ, các chợ công nghệ và thiết bị. Bảo đảm thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả các sáng chế. Tổ chức triển lãm giới thiệu các thành tựu đổi mới và sáng tạo KH&CN”.

Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, trong đó mục tiêu trọng tâm của Đề án là Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

Nhìn chung, đối tượng áp dụng chính sách tương đối rộng, trong đó có cả các doanh nghiệp CNHT, tuy nhiên, nếu kể đến tính đặc thù thì các doanh nghiệp CNHT chưa được hưởng những chính sách cụ thể từ các đặc thù của mình. Đây cũng chính là điểm cần lưu ý trong các kiến nghị đề xuất chính sách hướng tới hoạt động đổi mới sáng tạo của đối tượng doanh nghiệp CNHT tại Việt Nam.

3. Thực trạng thực thi chính sách khai thác sáng chế phục vụ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam

Khai thác sáng chế là hoạt động tra cứu, tìm kiếm, phân tích và ứng dụng các thông tin trong các bản ghi sáng chế nhằm mục đích hỗ trợ, bổ sung các ý tưởng còn thiếu trong quá trình nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp, từ đó nảy sinh những sáng tạo mới, hỗ trợ hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất, hoàn thiện sản phẩm và định hướng nghiên cứu cũng như thị trường của sản phẩm. Trên thực tế, doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp CNHT nói riêng đều phải liên tục đổi mới để nâng cao năng lực của mình, từ trình độ công nghệ sản xuất đến vấn đề quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và thị trường.

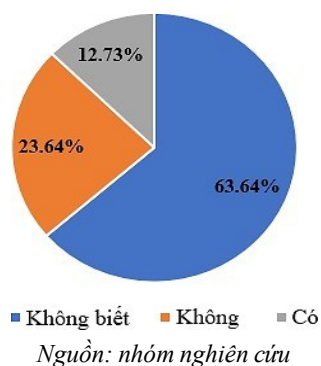
Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, doanh nghiệp cần có sự thay đổi và đầu tư để bắt kịp xu thế mới, đặc biệt về nâng cao trình độ công nghệ. Mặc dù có nhiều giải pháp phát triển công nghệ như tự nghiên cứu, nhận chuyển giao công

nghe hoặc nhập khẩu máy móc tiên tiến, nhưng các giải pháp này đòi hỏi vốn lớn, thời gian và công sức để làm chủ công nghệ. Các doanh nghiệp CNHT Việt Nam (không tính FDI) đa phần có trình độ công nghệ ở mức trung bình và thấp. Một số ít đã đầu tư máy móc công nghệ mới, nhưng chủ yếu do nước ngoài hỗ trợ hoặc do doanh nghiệp FDI cung cấp khi trở thành nhà cung ứng. Mặc dù nhiều doanh nghiệp CNHT đã chủ động đầu tư công nghệ và nâng cao chất lượng lao động, số lượng doanh nghiệp đủ năng lực trở thành nhà cung ứng cấp một vẫn còn hạn chế. Các doanh nghiệp này rất cần được hỗ trợ về cơ chế, chính sách khai thác và ứng dụng sáng chế để phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Mặc dù Chính phủ và địa phương đã xây dựng nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy hoạt động gia tăng tài sản trí tuệ và khai thác sáng chế, kết quả khảo sát cho thấy hiệu quả thực thi không khả quan. Trong 100 doanh nghiệp được gửi phiếu khảo sát, chỉ có 55 doanh nghiệp trả lời, trong đó số có hoạt động khai thác sáng chế chỉ có 8 doanh nghiệp (chiếm 14,55%), chủ yếu tập trung vào tìm kiếm thông tin công nghệ, sản phẩm liên quan và định hướng thị trường. Các mục tiêu khác của khai thác sáng chế như phân tích, đánh giá, ứng dụng và phát triển công nghệ khai thác chưa được triển khai thực hiện hiệu quả.

Một số phân tích cụ thể về hoạt động thực thi chính sách như sau:

Về công tác xây dựng văn bản và hướng dẫn hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ nói chung và khai thác, ứng dụng sáng chế nói riêng trong giai đoạn 2013 - 2023, nhìn chung, doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm, phần lớn đều không biết đến hoặc trả lời không. Ví dụ về *Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ*, các tỉnh, thành địa phương phải xây dựng các Chương trình triển khai cụ thể, tuy nhiên đến nay các hoạt động của Chương trình này vẫn chưa thực hiện được. Tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát về mức độ hiểu biết về thông tin trên được trình bày dưới đây:

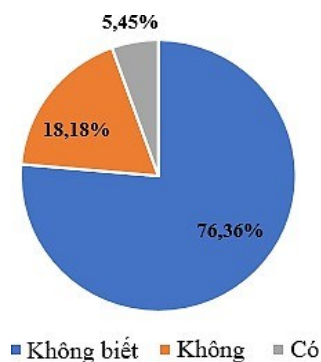


Hình 1. Phản hồi của doanh nghiệp về việc ban hành các văn bản hướng dẫn hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù chính quyền địa phương đã ban hành các văn bản hướng dẫn về sở hữu trí tuệ, bao gồm hỗ trợ khai thác sáng chế, nhưng mức độ nhận biết và tiếp cận của doanh nghiệp còn hạn chế. Đa số doanh nghiệp chỉ biết đến việc đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, trong khi chưa quan tâm đến khai thác thông tin sáng chế để phát triển công nghệ. Theo

số liệu, 63,64% doanh nghiệp không biết về các hướng dẫn này, 23,64% trả lời không rõ, số còn lại chủ yếu chỉ biết về hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp, không biết về hướng dẫn liên quan đến sáng chế.

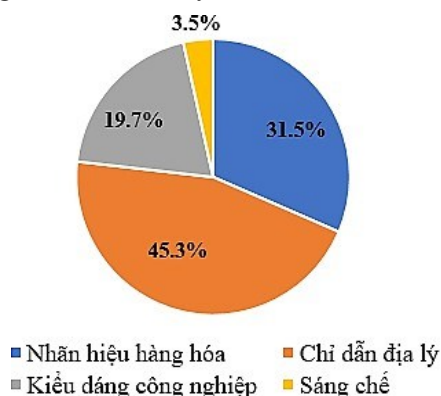
Trong giai đoạn 2013 - 2023, hoạt động thực thi chính sách hỗ trợ khai thác, ứng dụng sáng chế của các địa phương đối với các doanh nghiệp chưa hiệu quả. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 94,55% doanh nghiệp tham gia điều tra cho biết không biết hoặc không tiếp cận được chính sách hỗ trợ (Hình 2).



Nguồn: nhóm nghiên cứu

Hình 2. Phản hồi triển khai hoạt động hỗ trợ khai thác, ứng dụng sáng chế của địa phương cho doanh nghiệp

Chỉ 5,45% doanh nghiệp biết về hoạt động hỗ trợ từ địa phương, chủ yếu về tra cứu tính khả thi và đăng ký sáng chế/GPHI, trong khi việc khai thác thông tin kỹ thuật từ sáng chế chưa hiệu quả. Doanh nghiệp CNHT vẫn không nắm được các chính sách khai thác và ứng dụng sáng chế, phần lớn vì họ chưa thấy được lợi ích của các chương trình hỗ trợ này từ Nhà nước.

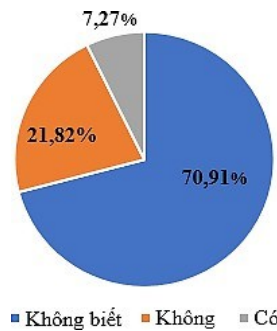


Nguồn: nhóm nghiên cứu

Hình 3. Tỷ lệ doanh nghiệp CNHT nắm bắt thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về loại hình phát triển TSTT tại một số địa phương

Về hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ nói chung, cũng như hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế nói riêng, thường được các địa phương giao cho Sở KH&CN cấp tỉnh, thành phố thực hiện, thông qua phòng Công nghệ hoặc phòng Khoa học thuộc Sở triển khai. Theo kết quả khảo sát, hoạt động chủ yếu tập trung vào đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, hoạt động liên quan khai thác và ứng dụng sáng chế rất hạn chế (Hình 3).

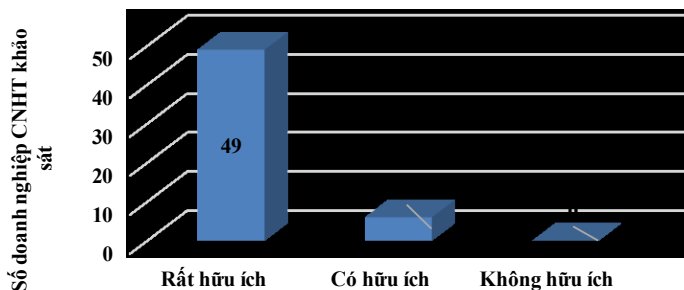
Qua kết quả khảo sát, tỷ lệ doanh nghiệp nắm bắt được thông tin về khai thác sáng chế để phát triển công nghệ, sản phẩm là rất hạn chế. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức chính sách về pháp luật SHTT trong đó có sáng chế của địa phương nơi doanh nghiệp làm việc trong giai đoạn 2013 - 2023, phần lớn các doanh nghiệp được khảo sát đều không biết đến các hoạt động này (Hình 4).



Nguồn: nhóm nghiên cứu

Hình 4. Tỷ lệ doanh nghiệp CNHT biết đến hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức SHTT và khai thác sáng chế

Hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ đến doanh nghiệp CNHT còn yếu, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và khai thác cơ sở dữ liệu sáng chế. Đáng chú ý, có đến 92,73% doanh nghiệp CNHT phản hồi không biết hoặc không rõ về các hoạt động này, chỉ có 7,27% doanh nghiệp khảo sát biết đến các hoạt động tuyên truyền chính sách.



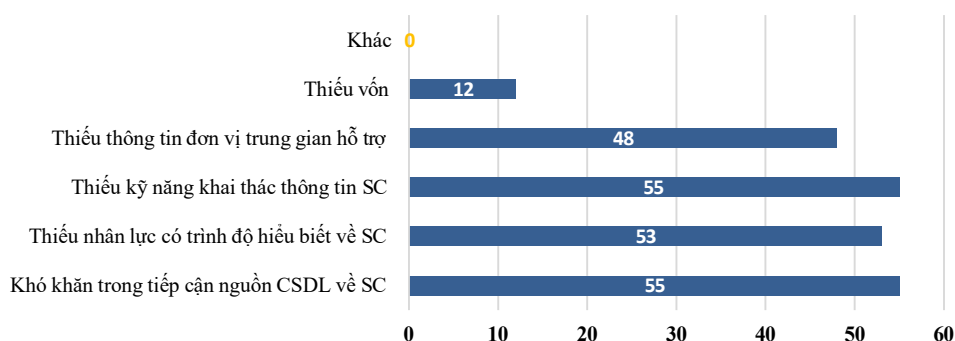
Số doanh nghiệp CNHT trả lời

Nguồn: nhóm nghiên cứu

Hình 5. Vai trò của hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế trong sản xuất kinh doanh

Tuy nhiên, điều thú vị là sau khi được giải thích và tìm hiểu về hoạt động khai thác và ứng dụng sáng chế, đa số doanh nghiệp đều đánh giá cao tính hữu ích của hoạt động này trong việc phục vụ sản xuất kinh doanh và đổi mới sáng tạo. Cụ thể, có 49/55 doanh nghiệp (chiếm 89,1%) cho rằng hoạt động này rất hữu ích cho phát triển doanh nghiệp (Hình 5).

Về những khó khăn trong hoạt động khai thác thông tin sáng chế và ứng dụng sáng chế vào sản xuất kinh doanh, đa số các doanh nghiệp đều xoay quanh khó khăn trong việc tiếp cận nguồn cơ sở dữ liệu sáng chế, thiếu nhân lực, thiếu kỹ năng khai thác thông tin sáng chế, thiếu thông tin về các tổ chức trung gian hỗ trợ (Hình 6).

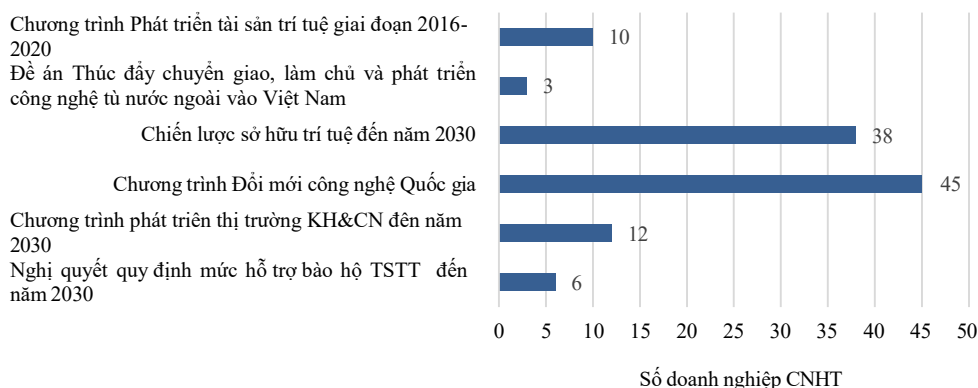


Nguồn: nhóm nghiên cứu

Hình 6. Số lượng các ý kiến về khó khăn của các doanh nghiệp CNHT thường gặp trong hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế

Khảo sát cho thấy các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (CNHT) hiện đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và khai thác thông tin sáng chế. Phần lớn doanh nghiệp chỉ sử dụng các nguồn dữ liệu trong nước hoặc công cụ tìm kiếm miễn phí như Google, dẫn đến phạm vi và chất lượng thông tin thu thập còn hạn chế. Bên cạnh đó, năng lực phân tích và ứng dụng thông tin sáng chế của doanh nghiệp còn yếu do thiếu chuyên môn kỹ thuật, làm giảm hiệu quả khai thác trong thực tiễn. Về mặt tổ chức, nhiều doanh nghiệp chưa có bộ phận chuyên trách về sở hữu trí tuệ; việc đăng ký tài sản trí tuệ thường do bộ phận hành chính hoặc nhân sự đảm nhiệm, khiến hoạt động quản lý và ứng dụng sáng chế thiếu tính chiến lược. Đồng thời, hệ sinh thái hỗ trợ khai thác sáng chế còn chưa phát triển; các tổ chức trung gian hỗ trợ chủ yếu thuộc khu vực Nhà nước, với phạm vi hoạt động và mức độ kết nối với doanh nghiệp còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ thiếu thông tin và sự hỗ trợ cần thiết từ bên ngoài để khai thác hiệu quả sáng chế phục vụ phát triển công nghệ và sản xuất kinh doanh.

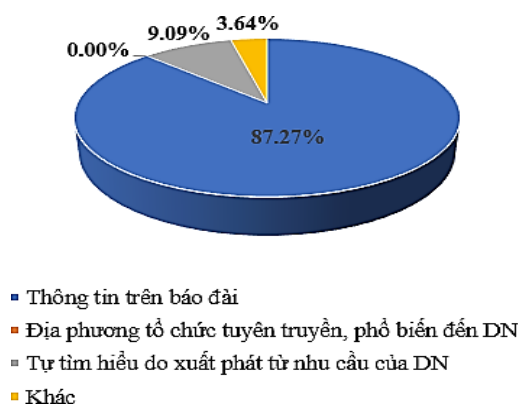
Về việc tiếp cận với các chính sách, chương trình về khai thác, ứng dụng sáng chế, nhóm nghiên cứu thu nhận được một số kết quả như sau (Hình 7):



Nguồn: nhóm nghiên cứu

Hình 7. Các chính sách mà doanh nghiệp CNHT biết đến trong giai đoạn 2013 - 2023 và sau này

Theo khảo sát, doanh nghiệp CNHT quan tâm nhiều đến công nghệ hơn là khai thác và ứng dụng sáng chế, dù vẫn chú ý đến sở hữu trí tuệ. Đặc thù của các doanh nghiệp này là sản xuất hàng loạt với công nghệ ổn định, ít hoạt động R&D, do đó hạn chế về đổi mới sáng tạo công nghệ. Điều này khiến họ ít quan tâm đến đăng ký và khai thác sáng chế hơn nhiều so với doanh nghiệp có sản phẩm hoàn thiện bán trực tiếp ra thị trường. Các doanh nghiệp chủ yếu tiếp cận thông tin về chiến lược và chương trình liên quan qua báo đài, internet, rất ít qua kênh phổ biến trực tiếp từ địa phương (Hình 8).



Nguồn: nhóm nghiên cứu

Hình 8. Phương thức tiếp cận thông tin chính sách khai thác, ứng dụng công nghệ

Mặc dù Nhà nước và địa phương đã ban hành nhiều chính sách về khai thác, ứng dụng sáng chế và phát triển tài sản trí tuệ, việc truyền thông phổ biến đến doanh nghiệp CNHT còn thiếu hiệu quả, cần thay đổi cách tiếp cận với nhóm đối tượng này. Về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của hoạt động khai thác, ứng dụng sáng

ché trong sản xuất kinh doanh, đa số doanh nghiệp phản hồi tích cực, cho rằng hoạt động này rất hữu ích và cần nhân rộng. Tuy nhiên, họ cũng đề xuất cần có thông tin kịp thời và đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn trong giai đoạn đầu khi doanh nghiệp còn chưa hiểu rõ về thủ tục và lợi ích. Về hoạt động hỗ trợ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ từ Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020, không có doanh nghiệp CNHT nào trong số các doanh nghiệp được khảo sát tham gia các hoạt động của Chương trình. Việc hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước cũng rất hạn chế. Khi tiến hành đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, các doanh nghiệp không được biết đến sự hỗ trợ từ Chương trình. Về hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn, thực hiện đánh giá, định giá tài sản trí tuệ và sử dụng tài sản trí tuệ để góp vốn, phần lớn doanh nghiệp được khảo sát không có thông tin hoặc không hiểu biết về việc góp vốn bằng tài sản trí tuệ. Nguyên nhân chính là họ không hiểu và không biết cách định giá tài sản trí tuệ - một khó khăn mà không chỉ doanh nghiệp mà cả các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác cũng gặp phải. Về hoạt động hỗ trợ khai thác cơ sở dữ liệu sở hữu công nghiệp để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, một số doanh nghiệp được hỗ trợ từ các tổ chức tư vấn độc lập hoặc từ Sở KH&CN thông qua trạm IP Platform do Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN triển khai tại một số tỉnh.

Như vậy, hoạt động thực thi chính sách về khai thác, ứng dụng sáng chế trong doanh nghiệp CNHT tại Việt Nam chưa thực sự hiệu quả. Nguyên nhân không chỉ từ phía doanh nghiệp mà còn từ cách thức vận hành, triển khai chính sách của cơ quan quản lý nhà nước. Doanh nghiệp không tiếp nhận được thông tin, hoặc nếu biết thì cũng chưa hiểu cách thức thực thi, tạo nên rào cản lớn khiến chính sách chưa đi vào thực tế.

4. Các yếu tố tác động trong việc tiếp cận và thực thi các chính sách về khai thác, ứng dụng sáng chế để thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

Mặc dù doanh nghiệp CNHT được Nhà nước chú trọng và quan tâm phát triển, nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng từ thực tế. Nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khai thác tài sản trí tuệ, bao gồm khai thác và ứng dụng sáng chế, đã được ban hành và triển khai. Trong quá trình khảo sát, phần lớn doanh nghiệp không nắm được và không biết đến những chính sách hỗ trợ này, tạo thành điểm nghẽn lớn nhất cần được khai thông để doanh nghiệp tiếp cận hiệu quả với chính sách của Nhà nước. Doanh nghiệp CNHT, cũng như nhiều loại hình doanh nghiệp khác, đều cần sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chính sách trong mọi giai đoạn phát triển. Tùy theo mục tiêu khác nhau, Nhà nước có những chính sách hỗ trợ từ thuế, tín dụng, tài chính, đến phát triển công nghệ sản xuất và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.

Kết quả khảo sát từ các nội dung nghiên cứu trước đó cung cấp nhiều thông tin quan trọng giúp phân tích các yếu tố tác động đến doanh nghiệp CNHT trong việc tiếp cận và thực thi các chính sách về khai thác và ứng dụng sáng chế.

4.1. Yếu tố khách quan tác động đến việc tiếp cận và thực thi chính sách khai thác, ứng dụng sáng chế của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam

Yếu tố tác động đến hạn chế trong tiếp cận và thực thi chính sách khai thác sáng chế là những nguyên nhân ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp. Họ chịu ảnh

hưởng thụ động từ các yếu tố này trong hoạt động hỗ trợ của Nhà nước. Doanh nghiệp có thể biết đến các chính sách được ban hành, nhưng không hiểu rõ quy trình và điều kiện hỗ trợ. Họ cũng không nắm được mức độ lợi ích cụ thể sẽ nhận được, đồng thời cho rằng quá trình tiếp cận tốn nhiều thời gian. Vì vậy, doanh nghiệp thường bỏ qua để tập trung vào những công việc cụ thể và cấp thiết hơn với lợi ích trước mắt của mình.

Một số yếu tố tác động khách quan như sau:

Thứ nhất, về công tác phổ biến thông tin và kiến thức của các văn bản chính sách về sở hữu trí tuệ nói chung và về hoạt động khai thác, ứng dụng tài sản trí tuệ, trong đó có sáng chế là yếu tố quan trọng tác động đến việc nắm bắt, tìm hiểu và thực thi chính sách của doanh nghiệp.

Công tác phổ biến chính sách về khai thác và ứng dụng sáng chế chưa thực sự hiệu quả. Doanh nghiệp không biết đến các thông tin về hoạt động hỗ trợ khai thác sáng chế của Nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp CNHT nói riêng. *Với tỷ lệ rất thấp doanh nghiệp CNHT biết đến các chính sách hiện hành*, công tác này của Nhà nước chưa đạt yêu cầu. Kết quả là doanh nghiệp dù rất muốn được hỗ trợ nhưng không có đủ thông tin để thực thi các chính sách đó.

Thứ hai, về bối cảnh phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, mục tiêu của các doanh nghiệp CNHT chủ yếu tập trung đầu tư vào nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp, năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển công nghệ sản xuất. Mức độ quan tâm về sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp thực sự chưa được quan tâm nhiều trong bối cảnh hiện nay. Mặc dù đã có những thay đổi về nhận thức trong một số doanh nghiệp, nhưng đối với doanh nghiệp CNHT còn rất hạn chế.

Sáng chế mặc dù được đánh giá khá quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp bảo hộ quyền đối với bí mật công nghệ, quy trình sản xuất, nhưng *vấn đề khai thác và ứng dụng các sáng chế khác (không phải của doanh nghiệp sở hữu) lại gần như rất hạn chế*. Doanh nghiệp CNHT hầu như không có hoạt động khai thác thông tin sáng chế để ứng dụng phục vụ sự phát triển của mình. *Theo thông tin khảo sát, doanh nghiệp cho biết do không hiểu biết rõ về pháp luật sở hữu trí tuệ nên không dám khai thác và sử dụng các sáng chế của người khác*, lo ngại sẽ bị kiện khi tạo ra sản phẩm bán ra thị trường. Đây cũng là hạn chế của công tác phổ biến kiến thức sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp.

Thứ ba, hiện nay các thông tin được khai thác từ sáng chế vẫn chưa thể là một trong các yếu tố quan trọng nhất quyết định đến sự phát triển của doanh nghiệp, do đó doanh nghiệp chưa chú trọng và quan tâm. Đây là thực trạng chính hiện nay thể hiện qua các kết quả khảo sát, phỏng vấn của nhóm nghiên cứu.

Đối với doanh nghiệp CNHT, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, điều quan trọng nhất hiện tại là hoàn thiện, nâng cấp hệ thống quản trị, quản lý sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Cách thức thực hiện của các doanh nghiệp để cải tiến những vấn đề này chủ yếu dựa vào các khóa đào tạo về quản trị doanh nghiệp, mua sắm máy móc, trang thiết bị sản xuất có công nghệ tốt hơn, hiện đại hơn để cải tiến chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất. Họ thực hiện nhận chuyển giao sử dụng các công nghệ đi kèm máy móc thiết bị này và cho rằng đã đảm bảo mục tiêu.

4.2. Các yếu tố chủ quan tác động đến hoạt động thực thi chính sách về khai thác, ứng dụng sáng chế trong doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam

Kết quả khảo sát thể hiện tính thiếu hiệu quả của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khai thác và ứng dụng sáng chế. Ngoài các yếu tố khách quan, cần phân tích các yếu tố chủ quan xuất phát từ chính doanh nghiệp trong thực thi chính sách. Doanh nghiệp CNHT phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn nhiều khó khăn như thiếu vốn, nhân lực có trình độ, trang thiết bị máy móc, thị trường đầu ra và hiểu biết về chính sách pháp luật. Cần phân tích những tác động nội tại để tìm nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ, giúp doanh nghiệp CNHT thấy được lợi ích của hoạt động khai thác sáng chế để phát triển tốt hơn, ổn định hơn.

Thứ nhất, mối quan tâm của doanh nghiệp CNHT đến hoạt động thực thi chính sách khai thác, ứng dụng sáng chế chưa cao. Trên thực tế, doanh nghiệp CNHT có nhiều vấn đề cần quan tâm hơn để duy trì và phát triển, vấn đề tồn tại phụ thuộc vào các yếu tố trực tiếp như tài chính (vốn), nhân lực, trang thiết bị máy móc hiện đại để sản xuất sản phẩm đảm bảo chất lượng, năng suất đáp ứng đơn hàng khách hàng. Họ quan tâm đến quản trị doanh nghiệp hiệu quả, giảm thiểu lãng phí, quản lý dòng tiền trong doanh nghiệp. Đây chính là vấn đề nội tại của các doanh nghiệp CNHT hiện nay, đa phần là doanh nghiệp nhỏ và vừa với tiềm lực hạn chế, nên cần quan tâm những vấn đề khác cấp thiết hơn.

Thứ hai, nguồn nhân lực có trình độ về khai thác, ứng dụng sáng chế, hiểu biết hoạt động thực thi chính sách hỗ trợ hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế tại các doanh nghiệp CNHT là hạn chế, phần lớn doanh nghiệp đều không có đội ngũ này. Nếu có vấn đề liên quan đến bảo hộ SHTT nói chung phải thuê bên thứ ba hỗ trợ, thiếu chuyên gia về khai thác sáng chế, chủ yếu liên quan đến bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp.

Nhân lực cho hoạt động khai thác sáng chế, ứng dụng sáng chế và thực thi chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực này không phải là vấn đề doanh nghiệp CNHT quan tâm. *Đây chưa phải là hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp,* do đó cũng khó để doanh nghiệp tập trung nguồn lực trong hoạt động này. Mặc dù vấn đề khai thác sáng chế phát triển công nghệ là phương án giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian nghiên cứu, tiết kiệm công sức và kinh phí trong hoạt động R&D.

Thứ ba, vấn đề tiếp nhận thông tin về các chính sách của doanh nghiệp trong hoạt động thực thi chính sách khai thác sáng chế và ứng dụng sáng chế trong sản xuất kinh doanh chưa được quan tâm. Thông thường, mỗi doanh nghiệp có bộ phận theo dõi sự thay đổi và cập nhật chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động doanh nghiệp, nhất là chính sách về thuế, nhập khẩu, xuất khẩu và đất đai. Tuy nhiên, *chính sách về hỗ trợ khai thác sáng chế thì ít doanh nghiệp quan tâm và cập nhật,* vì những vấn đề này không thực sự ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là vấn đề cần được đánh giá chính xác hơn và cần có chính sách thúc đẩy mạnh mẽ, hiệu quả hơn.

Thứ tư, vấn đề nhận thức của doanh nghiệp CNHT trong việc phát triển công nghệ dựa trên nền tảng nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm (R&D) trong đó có hoạt động nghiên cứu, khai thác thông tin kỹ thuật và công nghệ từ các bản ghi sáng chế trên thế giới chưa được hiểu rõ. Đây hoàn toàn là vấn đề

nhận thức và am hiểu sâu về bản chất của hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế để cải tiến kỹ thuật và phát triển công nghệ của doanh nghiệp. Trên thực tế không nhiều doanh nghiệp hiểu sâu vấn đề này do chưa có động lực và cũng chưa có tổ chức, đơn vị nào chuyên nghiệp, đi sâu phổ biến, tập huấn cho doanh nghiệp trong lĩnh vực khai thác sáng chế để phát triển công nghệ, phát triển sản phẩm, đổi mới sáng tạo các sản phẩm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. *Đây chính là khoảng trống chính sách cần được bổ sung*, hỗ trợ cho các đơn vị có chuyên môn trong lĩnh vực này để có tiềm lực, vị thế hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp CNHT.

Để thúc đẩy doanh nghiệp CNHT thực hiện hiệu quả hoạt động khai thác và ứng dụng sáng chế vào công việc nghiên cứu phát triển công nghệ và sản phẩm còn cần nhiều vấn đề cải thiện, kể cả về chính sách hỗ trợ lẫn việc nâng cao sự hiểu biết và nhận thức của doanh nghiệp. Về phía doanh nghiệp, nếu họ nhận thấy đây là cách làm hiệu quả, tốn ít chi phí lại được Nhà nước quan tâm hỗ trợ thì chắc chắn doanh nghiệp sẽ quan tâm và triển khai.

Hoạt động khai thác và ứng dụng sáng chế trong doanh nghiệp là một vấn đề mới mẻ tại thời điểm hiện nay, do vậy để thúc đẩy hoạt động này cần sự dẫn dắt của Nhà nước. Quan trọng nhất phải có các đơn vị, tổ chức (có thể của Nhà nước, có thể của tư nhân) có chuyên môn và kiến thức sâu để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện. Khi thấy hiệu quả sẽ tạo hiệu ứng tốt và các doanh nghiệp khác sẽ thực hiện theo, lúc đó các chính sách của Nhà nước mới thực sự đi vào cuộc sống.

5. Khuyến nghị giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách hỗ trợ khai thác sáng chế phục vụ đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam

Từ phân tích tổng hợp về hiện trạng hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế của doanh nghiệp và thực thi chính sách, *tính hiệu quả của hoạt động này chưa cao, doanh nghiệp CNHT có những đặc thù riêng*. Do đó các chính sách cần có điểm hỗ trợ phù hợp để đảm bảo hiệu quả khi được thực thi. Trong thực tế, thực thi chính sách về khai thác, ứng dụng sáng chế trong doanh nghiệp CNHT còn nhiều khó khăn, bất cập, nhiều vấn đề cần khơi thông, nhất là về nhận thức của doanh nghiệp. Cần có đề xuất, điều chỉnh, bổ sung chính sách để tăng tính thiết thực hiệu quả.

Đề xuất tập trung cho hai mục tiêu đối tượng: thứ nhất đề xuất các khuyến nghị chính sách hỗ trợ doanh nghiệp CNHT trong hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế phục vụ đổi mới sáng tạo; thứ hai đề xuất giải pháp khuyến nghị thúc đẩy hoạt động thực thi chính sách hiệu quả hơn.

5.1. Khuyến nghị giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế trong hoạt động đổi mới sáng tạo

Doanh nghiệp CNHT phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, những vấn đề về kỹ thuật và công nghệ được khai thác từ sáng chế nếu được quan tâm, triển khai hiệu quả sẽ góp phần rút ngắn thời gian nghiên cứu, hoạch định định hướng phát triển sản phẩm, phân tích đối thủ cạnh tranh, phát triển thị trường, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Các đề xuất cụ thể:

Thứ nhất, tăng cường hoạt động phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ, trong đó có kiến thức về phương pháp khai thác tài sản trí tuệ nói chung và khai thác sáng chế nói riêng thông qua các lớp tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến nâng cao nhằm nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp trong hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế. Cách thức triển khai thông qua các Chương trình quốc gia phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (đã được Thủ tướng phê duyệt), cần bổ sung cập nhật các nội dung đề xuất trên vào trong Chương trình.

Thứ hai, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận với các nguồn cơ sở dữ liệu sáng chế thông qua các tổ chức trung gian của Nhà nước hoặc tư nhân, hướng dẫn doanh nghiệp phương pháp và cách thức khai thác nguồn thông tin về giải pháp kỹ thuật và bí quyết, quy trình công nghệ. Giúp doanh nghiệp kết hợp những kết quả nghiên cứu của mình với những thông tin khai thác được để đề xuất những ý tưởng sáng tạo mới trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và thị trường.

Thứ ba, hỗ trợ doanh nghiệp CNHT nguồn lực để dễ dàng hơn trong việc triển khai hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Cụ thể:

- Hỗ trợ nhân lực có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động khai thác thông tin sáng chế, ứng dụng hiệu quả thông tin được khai thác trong các hoạt động cụ thể về phát triển công nghệ, sản phẩm mới cho doanh nghiệp;
- Hỗ trợ nguồn lực tài chính thông qua các chương trình hỗ trợ của Nhà nước về khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;
- Hỗ trợ cơ sở hạ tầng như nguồn cơ sở dữ liệu sáng chế, máy chủ, đáp ứng đủ cho hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế trong doanh nghiệp.

5.2. Khuyến nghị thúc đẩy hoạt động thực thi chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ khai thác và ứng dụng sáng chế

Trong các phân tích về thực trạng thực thi chính sách về khai thác, ứng dụng sáng chế trong doanh nghiệp CNHT, nhìn chung *hiệu quả hoạt động thực thi chính sách này vẫn chưa cao*, các doanh nghiệp được khảo sát chưa có nhiều thông tin về các chính sách hỗ trợ mà họ cũng là đối tượng được thụ hưởng. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động này cũng chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả thực thi chính sách còn thấp.

Các khuyến nghị chính sách cụ thể:

Thứ nhất, cần bổ sung giải pháp hỗ trợ về truyền thông chính sách sở hữu trí tuệ nói chung và chính sách hỗ trợ về khai thác, ứng dụng sáng chế nói riêng đối với doanh nghiệp CNHT tại Việt Nam. Tăng cường phổ biến thông tin chính sách trên các phương tiện thông tin đại chúng, sử dụng lợi thế đưa tin nhanh của các kênh thông tin chính thống và phi chính thống (báo, đài, truyền hình, các trang mạng xã hội) để phổ biến mục tiêu của thông tin chính sách đến được với doanh nghiệp một cách nhanh nhất, kịp thời, đúng thời điểm để doanh nghiệp nắm bắt được, hiểu và hướng tới đăng ký, áp dụng, triển khai.

Thứ hai, đẩy mạnh và cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp CNHT được tham gia các Chương trình quốc gia về khai thác và phát triển tài sản trí

tuệ như hỗ trợ về đào tạo nhân lực có trình độ về khai thác sáng chế, ứng dụng các thông tin kỹ thuật, bí quyết công nghệ được khai thác vào nghiên cứu phát triển công nghệ và sản phẩm mới. Doanh nghiệp có kết quả phát triển công nghệ và sản phẩm mới dựa trên nền tảng khai thác sáng chế cần được hỗ trợ, ưu đãi để hướng tới phát triển thành doanh nghiệp khoa học công nghệ, từ đó sẽ được hưởng những ưu đãi.

Thứ ba, cần nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức có nhiệm vụ triển khai và thực thi chính sách về khai thác, ứng dụng sáng chế tại doanh nghiệp CNHT. Các cơ quan và tổ chức này có thể là đơn vị cấp trung ương hoặc địa phương nhưng được giao chức trách, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai, phổ biến thông tin chính sách về khai thác tài sản trí tuệ nói chung và sáng chế nói riêng đến với doanh nghiệp, có trách nhiệm giám sát, kiểm tra nhiệm vụ thực thi, đánh giá kết quả hàng quý và năm và đề xuất kiến nghị hoàn thiện chính sách.

6. Kết luận

Từ những phân tích trên, có thể thấy ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) đóng vai trò thiết yếu trong nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hiện nay, nhiều sản phẩm hàng hóa do các doanh nghiệp CNHT cung cấp đang tham gia sâu vào chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu. Đồng thời, trình độ sản xuất, công nghệ ngày càng nâng cao, kéo theo nhu cầu đổi mới trong doanh nghiệp tăng mạnh. Ngoài việc nhập khẩu máy móc, thiết bị và công nghệ, các doanh nghiệp còn chú trọng đến tự nghiên cứu, phát triển sản phẩm. Việc rút ngắn thời gian nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới trở thành ưu tiên, khiến vai trò của khai thác thông tin sáng chế ngày càng quan trọng.

Bài viết đã phân tích thực trạng khai thác, ứng dụng sáng chế trong các doanh nghiệp CNHT tại Việt Nam, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Tuy đã có nhiều chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, hiệu quả thực tế vẫn chưa đạt kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu là do hạn chế trong đào tạo, phổ biến kiến thức sở hữu trí tuệ (SHTT); thiếu nguồn dữ liệu sáng chế đầy đủ; và thiếu nguồn lực triển khai như nhân lực, tài chính và hạ tầng kỹ thuật.

Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động này, từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Việc thực thi chính sách còn tồn tại nhiều khoảng trống, như công tác tuyên truyền chưa hiệu quả, các chương trình hỗ trợ thiếu trọng tâm và chưa có bộ phận chuyên trách theo dõi, đánh giá.

Từ những phân tích trên, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ doanh nghiệp CNHT nâng cao hiệu quả khai thác, ứng dụng sáng chế trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời, đề xuất các giải pháp chính sách để khắc phục những hạn chế trong thực thi, qua đó tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Trong các nghiên cứu tiếp theo, đối tượng khảo sát sẽ mở rộng đến các doanh nghiệp khởi nghiệp (start-up), nhằm có cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022.
2. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025.
4. Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030.
5. Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
6. Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020.
7. Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.
8. Nguyễn Hữu Cần (2017). “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về Nghiên cứu mức độ sử dụng sáng chế trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 2017. (Số đăng ký 2017-60-084).
9. Nguyễn Hữu Cần (2018). “Nghiên cứu xác định chế độ đóng góp của chế độ tăng trưởng GDP của Việt Nam”, Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ (số đăng ký: 2018-60-179).
10. Nguyễn Hữu Xuyên (2017). “Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khai thác sáng chế trong một số ngành sản xuất có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam”, Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ (số đăng ký: 2017-60-329).
11. Vũ Thị Thanh Huyền (2018). “Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ với nâng cao năng suất và hiệu quả của nền kinh tế”, Tạp chí Khoa học kinh tế - số 6(04), Tr.61-76.
12. Vũ Thị Thanh Huyền, Trần Việt Thảo (2022). “Nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 295, tháng 1/2022, tr.40-50.
13. Mayank Singh, Arindam Pal, Lipika Dey, Animesh Mukherjee (2020). “Innovation and Revenue: Deep Diving into the Temporal Rank-shifts of Fortune 500 Companies”. CoDS COMAD 2020, January 5-7, 2020, Hyderabad, India.
14. Xiao, L., Yang, M., & Zheng, Y., (2021). “How do SMEs leverage patenting for innovation performance? The mediating role of exploration and exploitation”, Technovation, p.108-115, 102327
15. Lee, S., & Park, G., (2020). “Patent commercialization strategy and innovation performance in small and medium-sized enterprises”, Journal of Business Research, No113, p.269-277.
16. Graham, S. J. H., & Vishnubhakat, S., (2019). “The role of patent quality and litigation in SME innovation”, Research Policy, 48(6), 103725.
17. Hottenrott, H., & Thorwarth, S., (2019). “How does patent policy affect innovation? Evidence from the German “Gebrauchsmuster” reform”, Research Policy, 48(2), p.414-432.
18. Bader, M. A., & Park, S. O, (2019). “Patenting motives and their impact on innovation performance in small and medium-sized enterprises (SMEs)”, International Journal of Innovation Management, 23(05), 1950040.